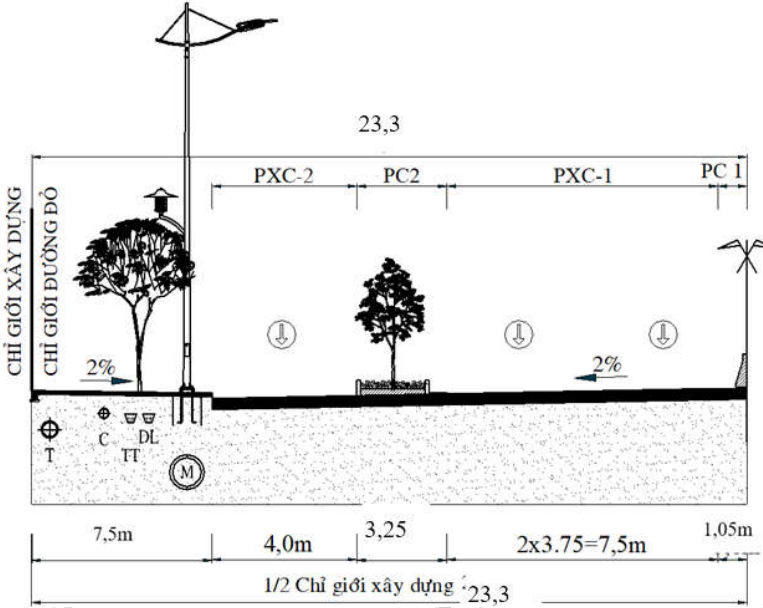


Câu	Phần	Nội dung	Thang Điểm
1	a	<p>Chọn mặt cắt ngang cho phần xe chạy dạng 2 mái lồi.</p> <p>Đường phố chính chủ yếu, vận tốc thiết kế 80(km/h), bề rộng làn xe cơ giới <math>B_{làn} \geq 3,75(m)</math> (<b>Bảng 10</b>). <b>Chọn</b> <math>B_{làn} = 3,75(m)</math></p> <p>Bề rộng phần xe chạy (2 hướng): <math>B_{pxc} = 4 \times 3,75 + 2 \times 4,0 = 23(m)</math></p> <p>Độ dốc ngang mặt đường BT nhựa (<b>Bảng 12</b>) <b>chọn</b>: <math>i_{md} = 1,5 - 2,5\%</math></p>	0,5
		<p>Chiều rộng dải mép, <math>V = 60 km/h</math> và ĐKXD loại I: <math>B_{at-1} = 0,75(m)</math> (làn xe cơ giới) và <math>B_{at-2} = 0,0(m)</math> (làn xe thô sơ)</p> <p>Hai phần xe chạy ngược chiều được phân dải phân cách giữa, chiều rộng phần phân cách <math>B_{ppc-1} = 0,6 + 2 \times 0,75 = 2,1(m)</math> (làn xe cơ giới) và <math>B_{ppc-2} = 2,5 + (0,75 + 0,0) = 3,25(m)</math> (làn xe thô sơ)</p>	0,5
		<p>Chiều rộng hè đường (vía hè), đường phố chính chủ yếu và ĐKXD loại I (<b>Bảng 15</b>): <math>B_{vh} \geq 7,5(m)</math>.</p> <p>Chiều rộng làn người đi bộ: <math>B_{bh} = 1,0 \times 2 = 2,0(m)</math>, <b>Mục 8.6.4</b></p> <p>Chiều rộng tối thiểu 1 hàng cây: 2,0(m) (<b>Bảng 16</b>), cách mép ngoài hè đường <math>\geq 0,75(m)</math> (<b>Bảng 17</b>)</p> <p><b>Chọn</b> <math>B_{vh} = 7,5(m)</math></p> <p>Vía hè bố trí làn dành cho người đi bộ <math>\rightarrow</math> lát gạch vỉa hè, <b>chọn</b> độ dốc vỉa hè <math>i_{vh} = 2,0\%</math> (<b>Mục 8.6.6</b>)</p>	1,0
		<p>Lộ giới đường: <math>B = B_{pxc} + B_{vh} \times 2 + (B_{ppc1} + 2 \times B_{ppc2})</math></p> <p><math>B = 23 + 7,5 \times 2 + 2,1 + 2 \times 3,25 = 46,6(m)</math></p> <p>Chiều cao xây dựng công trình 22(m), lộ giới 46,6(m) nên khoảng lùi <math>KL \geq 0,0(m)</math> (<b>Bảng 2.5</b> QCVN 01: 2008/BXD), <b>chọn</b> <math>KL = 0,0(m)</math></p>	0,5
		<p>Cống thoát nước mưa bố trí trên vỉa hè sát lề đường, tim cống cách mép trong bó vỉa <b>thường chọn</b> <math>\geq 0,7(m)</math></p> <p>Cống thoát nước thải để thu nước thải từ nhà dân, tim cống cách mép chỉ giới đường đỏ <b>thường chọn</b> <math>\geq 0,5(m)</math></p>	0,5

	<p>Bố trí đường ống cấp điện lực (trên vỉa hè) cạnh ống thoát nước mưa và cách <math>\geq 0,5(m)</math> (<b>Bảng 42</b>)</p> <p>Bố trí đường ống thông tin (trên vỉa hè) cạnh đường ống cấp điện và cách <math>\geq 0,5(m)</math> (<b>Bảng 42</b>).</p>	
	<p>Trụ đèn chiếu sáng cách mép PXC <math>\geq 1,0(m)</math> ứng với điều kiện xây dựng loại I (<b>Bảng 39</b>).</p>	0,5
	<p>Bố trí đường ống cấp nước (trên vỉa hè) cạnh đường ống thoát nước thải và cách đường ống TNT <math>\geq 1,5(m)</math> (<b>Bảng 42</b>)</p>	0,5
b		2,0
<b>Tổng điểm câu 1</b>		<b>6,00đ</b>

Câu	Phần	Nội dung	Thang Điểm																		
2	a		0,50																		
		<p>- Tùy theo loại đường phố và nhu cầu cấu tạo từng vị trí mà có thể có đầy đủ hoặc không có đầy đủ các bộ phận này, tuy nhiên bộ phận không thể thiếu được trên mặt cắt ngang đường đô thị là phần xe chạy và lề đường.</p>	0,50																		
		<p>- Chỉ giới đường đỏ: Là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa, để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác.</p>	0,50																		
		<p>- Chỉ giới xây dựng: Là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất. Chỉ giới xây dựng có thể trùng với chỉ giới đường đỏ hoặc lùi vào so với chỉ giới đường đỏ do yêu cầu của quy hoạch.</p>	0,50																		
		<p><b>b</b></p> <p>- Cao độ hoàn thiện tại mép đường trái tuyến:  <math>b_2 = 8,3 - (11,95 \times 5\%) = 7,7025 \text{ (m)}</math></p> <p>- Cao độ thiết kế hè đi bộ bên trái tuyến:  <math>b_3 = 7,7025 + 0,2 = 7,9025 \text{ (m)}</math></p> <p>- <math>b_4 = 7,9025 + (7,5 \times 2\%) = 8,0525 \text{ (m)}</math></p>	0,50																		
<p>- Cao độ hoàn thiện tại mép đường phải tuyến:  <math>b_2^p = 8,3 + (11,95 \times 5\%) = 8,8975 \text{ (m)}</math></p> <p>- Cao độ thiết kế hè đi bộ bên phải tuyến:  <math>b_3^p = 8,8975 + 0,2 = 9,0975 \text{ (m)}</math></p> <p>- <math>b_4^p = 9,0975 + (7,5 \times 2\%) = 9,2475 \text{ (m)}</math></p>	0,50																				
		<p>Hình vẽ mặt cắt ngang tại cọc P</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ĐỘ DỐC (%) - KHOẢNG CÁCH (M)</th> <th>7,5</th> <th>2,0%</th> <th>5,0%</th> <th>11,95</th> <th>5,0%</th> <th>11,95</th> <th>2,0%</th> <th>7,5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)</td> <td>8,0525</td> <td>7,9025</td> <td>7,7025</td> <td>8,3</td> <td>8,8975</td> <td>9,0975</td> <td>9,2475</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ĐỘ DỐC (%) - KHOẢNG CÁCH (M)	7,5	2,0%	5,0%	11,95	5,0%	11,95	2,0%	7,5	CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	8,0525	7,9025	7,7025	8,3	8,8975	9,0975	9,2475		1,0
ĐỘ DỐC (%) - KHOẢNG CÁCH (M)	7,5	2,0%	5,0%	11,95	5,0%	11,95	2,0%	7,5													
CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	8,0525	7,9025	7,7025	8,3	8,8975	9,0975	9,2475														
<b>Tổng điểm câu 2</b>			<b>4,00đ</b>																		